

**TÒA ÁN ND KHU VỰC 7
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/DS-ST.

Ngày: 29/9/2025 .

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HÓA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Tâm và ông Phạm Ngọc Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Lệ Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 7, tỉnh Thanh Hoá, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 01/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1971

Số căn cước CD: 038171009522; Nơi cấp: Cục CSQLHC về trật tự và xã hội, cấp ngày 12/02/2023.

Địa chỉ: Thôn NK, xã VL, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị H1, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn 5 (MT), xã BT, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Trần Thị H trình bày: Do có mối quan hệ có quen biết với nhau nên vào năm 2020 bà Trần Thị H cho bà Vũ Thị H1 vay số tiền là 90.000.000đồng (Chín mươi triệu đồng), lãi 01%/tháng. Đến ngày 15/8/2022 do chưa có tiền trả cho bà Trần Thị H nên bà Vũ Thị H1 có làm giấy khất nợ hẹn hàng tháng trả cho bà Trần Thị H số tiền là 5.000.000đồng bao gồm cả tiền gốc, lãi. Tuy nhiên, đến nay bà Vũ Thị H1 mới trả cho bà Trần Thị H được 5.000.000 đồng tiền gốc chưa trả được đồng tiền lãi nào. Hiện nay bà Vũ Thị H1 còn nợ bà Trần Thị H số tiền gốc là 85.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi tính từ ngày 15/8/2022 đến

nay. Vì vậy, bà Trần Thị H yêu cầu bà Vũ Thị H1 trả số tiền nợ gốc cho bà Trần Thị H là 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng) và số tiền lãi tính từ ngày 15/8/2022 đến nay theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 01%/tháng.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bà Vũ Thị H1 đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án và các loại văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà H không đến Tòa án làm việc, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Bà Vũ Thị H1 đã được quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà Vũ Thị H1 vắng mặt không có lý do. Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu bà Vũ Thị H1 trả số tiền gốc là 85.000.000 đồng và tiền lãi. Bà Vũ Thị H có hộ khẩu thường trú tại xã BT, tỉnh Thanh Hóa. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Thanh Hóa.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã nhận được thông báo việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Vũ Thị H1 không đến Tòa án làm việc, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Bà Vũ Thị H1 đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật nhưng bà Vũ Thị H1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Đối với yêu cầu về trả tiền gốc: Bà Trần Thị H yêu cầu bà Vũ Thị H1 trả nợ số tiền gốc 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng).

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là 01 giấy khất nợ thấy rằng: Ngày 15/8/2022 bà Vũ Thị H viết giấy khất nợ bà Trần Thị H số tiền vay là 90.000.000 đồng. Hẹn hàng tháng trả cho bà Trần Thị H số tiền là 5.000.000 đồng, kể từ tháng 9 dương lịch vào ngày 25 hàng tháng. Tính lãi từ ngày 15/8/2022 cho đến khi trả hết nợ. Lãi suất 1%/tháng. Mặc dù không có chứng cứ xác định bà Vũ Thị H1 đã trả 5.000.000 đồng tiền gốc nhưng bà Trần Thị H xác định bà Vũ Thị H đã trả cho bà Trần Thị H số tiền gốc là 5.000.000 đồng. Do đó ghi nhận số tiền bà Vũ Thị H1 còn nợ bà Trần Thị H số tiền gốc là 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng) là phù hợp.

Quá trình vay nợ, bà Vũ Thị H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết, mới trả cho bà Trần Thị H được 5.000.000đồng tiền gốc, chưa trả cho bà Trần Thị H được đồng tiền lãi nào. Vì vậy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H, buộc bà Vũ Thị H1 có trách nhiệm trả nợ cho bà Trần Thị H số tiền gốc là 85.000.000đồng (Tám mươi lăm triệu đồng) là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 466 Bộ luật dân sự.

- Đối với yêu cầu về trả tiền lãi: Bà Trần Thị H yêu cầu bà Vũ Thị H trả số tiền lãi tính từ ngày 15/8/2022 đến nay theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 01%/tháng đối với số tiền gốc là 85.000.000đồng (Tám mươi lăm triệu đồng).

Thấy rằng: Tại giấy khất nợ ngày 15/8/2022 hai bên thống nhất mức lãi suất là 01%/ tháng. Tiền lãi tính từ ngày 15/8/2022 cho đến khi trả hết nợ. Bà Trần Thị H yêu cầu bà Vũ Thị H1 trả số tiền lãi suất tính từ ngày 15/8/2022 đến thời điểm xét xử (ngày 29/9/2025) theo mức lãi suất 01%/tháng. Xét thấy, bà Trần Thị H và bà Vũ Thị H1 thỏa thuận mức lãi suất 01%/ tháng đây là sự tự nguyện của các đương sự và phù hợp với quy định tại khoản 5 điều 466 Bộ luật Dân sự vì vậy được chấp nhận. Lãi suất được tính như sau:

$$85.000.000\text{đồng} \times 37 \text{ tháng} \times 1\% / \text{tháng} = 31.818.000\text{đồng}$$

- Tổng cộng số tiền gốc và lãi suất được chấp nhận là: 116.818.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H được chấp nhận toàn bộ nên bà Vũ Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả nợ. Trả lại cho bà Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí DSST là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68; Khoản 4 Điều 147; điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 463; Điều 466, Điều 468, Điều 470, Điều 357 của Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

2. Buộc bà Vũ Thị H1 có trách nhiệm trả nợ cho bà Trần Thị H số tiền gốc là 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng). Số tiền lãi là 31.818.000đồng (Ba mươi một triệu tám trăm mười tám nghìn đồng). Tổng cộng là 116.818.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu tám trăm mười tám nghìn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án không thi hành đầy đủ

thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí: Bà Vũ Thị H1 phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước là 5.841.000đồng (Năm triệu tám trăm bốn mươi một nghìn đồng).

Trả lại cho bà Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.125.000 đồng (Hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001453 ngày 07/7/2025 của phòng Thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Thanh Hóa.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi hành án Dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7- Thanh Hóa
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng THADSKV7, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Tuyết

